TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 28-02-2022
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-PT ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lương Văn S, sinh năm 1955 (Không triệu tập)
- Bà Phùng Thị D, sinh năm 1955 (Không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Bà D ủy quyền cho ông Lương Văn S đại diện (Giấy ủy quyền ngày 18/10/2021);

Người kháng cáo: Bị đơn chị Hoàng Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án Nguyên đơn là anh Lương Văn L trình bày:*

Anh kết hôn với chị Hoàng Thị T vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 98/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện S đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị T; Tòa án giao hai cháu Lương Hoàng Hải X, sinh ngày 25/01/2006 và cháu Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T đều xác định tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói, diện tích 70m^2 xây dựng năm 2009, hoàn thành năm 2012 , trị giá ngôi nhà là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), được xây dựng trên phần đất vỡ hoang của ông Lương Văn S và bà Phùng Thị D (bố mẹ đẻ của anh).

Hai bên thỏa thuận chia tài sản làm 4 phần cho bốn thành viên trong gia đình, mỗi phần = 37.500.000đ. Anh được toàn quyền quản lý, sự dụng và định đoạt tài sản nói trên và phải trả cho chị T và hai con số tiền 112.500.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên sau khi ly hôn, chị T và các con vẫn ở chung nhà với anh mà không chuyển đi nơi khác. Các con có ý kiến là không đồng ý chuyển đi chỗ khác ở với mẹ mà muốn ở với anh. Anh đã chi trả phần tiền chia tài sản cho chị T nhưng chị T không nhận mà yêu cầu anh phải đưa cả phần của các con thì mới chuyển đi. Vì vậy, hai bên xảy ra tranh chấp. Anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, và chia tài sản sau khi ly hôn. Cụ thể:

Về nuôi dưỡng con chung: Ban đầu anh đề nghị giao cả hai cháu Lương Hoàng Hải X, sinh ngày 25/01/2006 và cháu Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng sau đó anh thay đổi ý kiến, đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con theo nguyện vọng của các con.

Về chia tài sản sau khi ly hôn: Anh đề nghị chia tài sản chung làm 4 phần đều nhau cho 4 thành viên trong gia đình theo như thỏa thuận trước đó; anh nhận quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung, anh sẽ chi trả phần giá trị bằng tiền cho chị T. Riêng phần của các con, nếu cháu nào có nguyện vọng ở với anh thì anh sẽ quản lý phần của cháu, cháu nào ở với chị T thì anh sẽ chi trả phần tiền của cháu cho chị T quản lý.

**Bị đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:*

Chị xác định anh L trình bày về việc kết hôn, thỏa thuận ly hôn, nuôi dưỡng con chung như anh L trình bày là đúng. Sau khi ly hôn chị và các con vẫn ở chung nhà với anh L. Chị xác định tài sản chung vợ chồng là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp ngói, diện tích 70m^2 xây dựng năm 2009, hoàn thành năm 2012, trị giá ngôi nhà là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), được xây dựng trên phần đất vỡ hoang của ông Lương Văn S và bà Phùng Thị D (bố mẹ đẻ của anh L) là đúng.

Chị và anh L tự nguyện thỏa thuận chia tài sản làm 4 phần cho bốn thành viên trong gia đình, mỗi phần = 37.500.000đ. Anh L được toàn quyền quản lý, sự dụng và định đoạt tài sản nói trên và phải trả cho chị và hai con số tiền 112.500.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).Tuy nhiên sau khi ly hôn, anh L không thực hiện như đã cam kết, không chi trả phần tiền chia tài sản chung cho chị và các con nên chị và các con vẫn ở chung nhà với anh L mà chưa chuyển đi nơi khác. Anh L nhiều lần yêu cầu chị chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng vì chưa nhận được tiền chia tài sản nên chị không đồng ý chuyển đi.

Nay anh L làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của các con, chị không đồng ý. Chị xác định vẫn đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng hai con, các cháu đều là con gái nên chị sẽ nắm bắt được tâm lý và nhu cầu của các cháu và chăm sóc, giáo dục các cháu được tốt hơn.

Về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung làm 4 phần bằng nhau cho 4 thành viên trong gia đình theo như thỏa thuận trước đó giữa chị và anh L. Anh L được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản chung và phải chi trả phần tài sản bằng tiền cho chị và các con. Riêng phần của các con, nếu cháu nào ở với chị thì chị sẽ quản lý phần của cháu, cháu nào ở với anh L thì anh L sẽ quản lý phần tiền của cháu đó.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn Sinh trình bày:*

Ông là bố đẻ của anh Lương Văn L. Năm 2004, anh L kết hôn với chị Hoàng Thị T. Sau khi kết hôn, chị T về chung sống cùng anh L, ở chung nhà với gia đình ông. Năm 2010 anh L, chị T xin ra ở riêng. Do anh L, chị T không có đất làm nhà nên vợ chồng ông cho anh L, chị T mượn thửa đất ở thôn L, xã Đ, huyện S tỉnh Bắc Giang để làm nhà, xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, diện tích xây dựng là 70m^2, diện tích còn lại anh L, chị T có sử dụng trồng cây ăn quả (cây vải).

Ông xác định vợ chồng ông chỉ cho anh L, chị T mượn đất để canh tác, làm nhà ở chứ không tặng cho thửa đất đó cho anh L, chị T. Nay anh L, chị T đã ly hôn và yêu cầu chia tài sản là nhà trên đất. Ông có ý kiến như sau: Nếu Tòa án giao ngôi nhà cho anh L quản lý, sử dụng thì ông sẽ để cho anh L tiếp tục mượn thửa đất đó. Ông không đồng ý cho chị T được tiếp tục mượn thửa đất của gia đình ông. Nếu chị T được Tòa án giao cho quản lý ngôi nhà, thì ông yêu cầu chị T phải di dời tài sản ra khỏi thửa đất của gia đình ông.

Bà Phùng Thị D thống nhất với ý kiến của ông Lương Văn S.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang đã quyết định căn cứ vào các Điều 33, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phi, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Lương Văn L: Giao cho anh Lương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008; Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lương Hoàng Hải X, sinh ngày 25/01/2006;Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Không ai được cản trở anh L, chị T quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2. Về chia tài sản chung:

- Giao anh Lương Văn L được sở hữu, sử dụng tài sản chung gồm 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, rui mè bằng gỗ tạp, cửa bằng gỗ kính, sàn lát gạch men, ốp chân tường cao 90cm, diện tích xây dựng là 55,44m2 (dài 8,4m, rộng 6,6m), kèm theo công trình phụ gồm 01 nhà bếp, tường xây, mái ngói, diện tích xây dựng là 32,76m^2 và 01 sân bê tông có diện tích 52,92m^2; những tài sản trên xây dựng trên thửa đất vỡ hoang của vợ chồng ông Lương Văn S, bà Phùng Thị D, thuộc thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nhà và công trình xây dựng nêu trên trị giá = 150.000.000đồng.

- Buộc anh Lương Văn L phải chia phần chênh lệch là½ tài sản cho chị Hoàng Thị T theo giá trị bằng tiền là 75.000.000đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Anh Lương Văn L phải chịu 1.100.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận anh L đã nộp đủ số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lương Văn L, chị Hoàng Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 31/12/2021 chị Hoàng Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm về việc giao con chung. Chị không đồng ý bản án sơ thẩm giao con nhỏ là Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện S cho anh L nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giữ nguyên quyền trực tiếp nuôi cháu M cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Lương Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Hoàng Thị T không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt nguyên đơn nên vụ án không tiến hành thỏa thuận được.

Chị Hoàng Thị T trình bầy: Chị kháng cáo bản án sơ thẩm về nội dung không đồng ý giao cháu M cho anh L. Vì cháu M là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn, vì hai con đều là con gái nên chị mong muốn các con được ở cùng nhau.

Hiện nay chị đã làm được nhà, chị và cháu X đã ra ở chỗ khác, cháu M ở cùng anh L, anh L đánh cờ bạc cháu M ở một mình. Chị hiện nay làm vườn và là công tác phụ nữ ở xã Đ thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/01 tháng, anh L làm vườn và làm gì thêm chị không biết. Chị mong muốn được nuôi hai con chung. Nếu được nuôi hai con chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 71, 72 và điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Miễn án phí dân ự phúc thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Địa diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Lương Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L; Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn S, bà Phùng Thị D không liên quan đến kháng cáo của chị T do vậy Tòa án không triệu tập.

[2]. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 98/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện S; Giao hai cháu Lương Hoàng Hải X, sinh ngày 25/01/2006 và cháu Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay anh L khởi kiện yêu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản chung sau ly hôn. Bản án sơ thẩm giao cho anh Lương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008; Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng Hải X, sinh ngày 25/01/2006; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Không ai được cản trở anh L, chị T quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về tài sản. Không đồng ý bản án sơ thẩm chị T kháng cáo về phần thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị T không đồng ý giao con chung Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008 cho anh L nuôi dưỡng, chị đề nghị giao cháu M cho chị nuôi như quyết định công nhận thỏa thuận trước đây đã giải quyết.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Hoàng Thị T về việc không đồng ý yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của anh Lương Văn L. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa chị T trình bầy: Chị mong nuốn được nuôi cháu M vì cháu là con gái, anh L đánh cờ bạc, cháu M phải ở một mình, chị mong hai con được ở cùng nhau vì đều là con gái. Tuy nhiên, chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị là có căn cứ. Theo Biên bản xác minh ngày 15/11/2021 (Bút lục 53a, 53b) do ông Lương Văn T - Phó chủ tịch UBND xã Đ, ông Vi Xuân H công chức tư pháp xã Đ cung cấp:…"Anh L, chị T đều là lao động chính, thu nhập tương đối ổn định, anh L làm ruộng, lúc nông nhàn có đi làm thêm nghề thợ xây có thu nhập bình quân từ 6 triệu đồng đến 8 triệu đồng/ tháng, chị T làm công tác xã hội làm phó chủ tịch Hội liên hiệp phũ nữ xã Đ, kiêm thêm các công tác khác thu nhập từ 3 triệu đồng đến 4 triệu đồng/tháng". Về chỗ ở, hiện nay chị T có nhà riêng chị và cháu X ở nơi khác, cháu M ở cùng anh L. Như vậy, về điều kiện nuôi con chung là như nhau. Chị T không chứng minh được anh L không có đủ điều kiện nuôi cháu M. Mặt khác, cháu M có nguyện vọng ở cùng bố (Bút lục 38). Do vậy, bản án sơ thẩm căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh L và giao cháu Lương Hoàng Tuyết M cho anh L nuôi dưỡng, chị T tiếp tục nuôi con chung Lương Hoàng Hải X là có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung và phù hợp nguyện vọng con chung.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Chị T là dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử: Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Lương Văn L.

1. Giao cho anh Lương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng Tuyết M, sinh ngày 27/5/2008; Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Hoàng Hải X, sinh ngày 25/01/2006. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Không ai được cản trở anh L, chị T quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho chị Hoàng Thị T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện S;
-VKSND huyện S;
-THA huyện S;
-Cổng TTĐT Tòa án nhân dân;
-Các đương sự;
-Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền